

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PǺH
-TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày 03-6-2020.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Xuân Bảo

+ Ông Trịnh Văn Nguyên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thuận – Là Thư ký tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 03 tháng 06 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, về việc: *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.(có mặt)

Bị đơn: Ông Lương Trọng Q, sinh năm 1951.

Địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/01/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Tôi và ông Lương Trọng Q tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An vào năm 1980. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc cho đến năm 2002 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q thường xuyên uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập tôi nhiều lần, đập phá tài sản, công an thị trấn Phú Hòa đã lập biên bản, gia đình hai bên và tôi đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Tôi đã cố gắng chịu đựng nhiều năm để nuôi dạy con cái trưởng thành. Nay các con tôi đã thành niên, tôi không thể chịu đựng thêm cuộc sống chung với ông Q được nữa, ông Q đã hành hạ tôi cả về thể chất và tinh thần, khiến cho cuộc sống

của tôi ngọt ngào, căng thẳng. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm gì với ông Q nữa, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Lương Trọng Khởi, sinh ngày 03/8/1983; Lương Thị Ngọc Khuê, sinh ngày 28/8/1985; Lương Trọng Khánh, sinh ngày 27/02/1988. Nay các con tôi đều đã thành niên và khỏe mạnh, tự lao động nuôi sống bản thân, nên tôi không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: **ông Lương Trọng Q** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và bà H tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An vào năm 1980. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc, vợ chồng đã sống chung với nhau gần 40 năm, có lúc cũng xảy ra va chạm do trong sinh hoạt vợ chồng không hợp nhau, tôi đã phân tích để vợ chồng hòa hợp hơn nhưng vẫn không hòa hợp, đã hơn 5 tháng rồi bà H thuê nhà ở riêng, không liên lạc, gặp tôi để nói chuyện với nhau. Nay bà H làm đơn xin ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý, vì nay tuổi đã cao, cả hai bên đều cần có người để chăm sóc. Bản thân tôi cũng có nhiều khuyết điểm, tôi sẽ sửa đổi, mong bà H tha thứ, trở về đoàn tụ với tôi.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Lương Trọng Kh, sinh ngày 03/8/1983; Lương Thị Ngọc K, sinh ngày 28/8/1985; Lương Trọng Kh, sinh ngày 27/02/1988. Nay các con tôi đều đã thành niên và khỏe mạnh, tự lao động nuôi sống bản thân, nên tôi không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị H có yêu cầu ly hôn với ông Lương Trọng Q, có nơi cư trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, đây là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà H và ông Q tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn tại xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An vào ngày 20/6/1980, là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q mong muốn được đoàn tụ với bà H. Toà án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà H vẫn một mực yêu cầu ly hôn. Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là xây dựng gia đình âm no, tiến bộ, hạnh phúc; vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình. Trong quá trình chung sống ông Q hay uống rượu về chửi bới, đánh đập bà H, chính quyền địa phương cũng đã can thiệp, hòa giải, bà H cũng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đến Tòa án hai lần, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông Q vẫn không thay đổi khiến cho cuộc sống của gia đình ngột ngạt, căng thẳng, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Các con của bà H ông Q đều thành niên có cuộc sống riêng tự lập, có khả năng lao động nên bà H, ông Q không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ nuôi con, HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Lương Trọng Q.

1.2 Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: **0002772, ngày 14/01/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

2. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày **03/6/2020**) nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS H.Chư Păh
- THA DS H.Chư Păh;
- Dương sự;
- UBND xã nghĩa hợp, huyện Tân Kỳ;
- Tỉnh Nghệ An
- Lưu HS VTTA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

